

Bản án số: 302/2024/DS-PT
Ngày: 07/6/2024
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán:

Ông Ngô Tấn Lợi

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Được - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 169/2024/TLPT-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024, về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 294/2024/QXXĐPT – DS ngày 18/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 322/2024/QĐPT-DS ngày 06/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ: Ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà Võ Thị H1, sinh năm: 1965 (chết ngày 07/7/2022).

Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H1:

1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1967; địa chỉ: Số B, ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông N: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1973; địa chỉ: Số G, ấp V, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, là đại diện theo uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền ngày 15/11/2022.

2. Chị Nguyễn Thị Khánh N1, sinh năm: 1990; địa chỉ: Số B, ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của chị N1: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1973; địa chỉ: Số G, ấp V, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, là đại diện theo uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền ngày 17/11/2022.

3. Chị Nguyễn Thị Kim T; sinh năm: 1993, HKTT: 264, ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, cư trú: 6/401, 12-9 Seodal - R, 149 B, S – G, R of Korea.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thị L, sinh năm 1958; địa chỉ cư trú: 260 đường H, ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Võ Thị Ánh N2, sinh năm 1952; địa chỉ: số E, ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà L và bà N2: Bà Võ Thị H, sinh năm: 1960; địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang, là đại diện theo uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền ngày 10/01/2023.

3. Bà Võ Thị T1, sinh năm 1962; địa chỉ: Số A đường N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

4. Ông Võ Văn D, sinh năm 1972; địa chỉ: Số B, khóm S, phường T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông D: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1973; địa chỉ: Số G, ấp V, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, là đại diện theo uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền ngày 04/8/2023.

5. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1967; địa chỉ: Số B, ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của ông N: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1973; địa chỉ: Số G, ấp V, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, là đại diện theo uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền ngày 15/11/2022.

6. Chị Nguyễn Thị Khánh N1, sinh năm: 1990; địa chỉ: Số B, ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của chị N1: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1973; địa chỉ: Số G, ấp V, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, là đại diện theo uỷ quyền theo văn bản uỷ quyền ngày 17/11/2022.

7. Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1993; HKTT: Số B, ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp, cư trú: 6/401, 12-9 Seodal - R, 149 B, S – G, R of Korea.

8. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ: QL H, khóm B, TT. L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Lam Minh N3 –Chủ tịch.

Có mặt tại phiên tòa: Bà H, anh Đ; ông N3 có đơn xin xét xử vắng mặt; các đương sự còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Võ Thị H là nguyên đơn, đồng thời là người đại diện hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là bà Võ Thị L và bà Võ Thị Ánh N2 trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay trình bày:

Bà Võ Thị H là con của cha Võ Văn H2 sinh năm: 1932 chết ngày 26/10/2001 và mẹ là Lê Thị H3, sinh năm: 1933 chết ngày 11/5/2016. Cha mẹ sinh được 06 người con gồm: Võ Thị Ánh N2, Võ Thị L, Võ Thị H, Võ Thị T1, Võ Thị H1 (chết năm 2022) và Võ Văn D. Cụ Võ Văn H2 chết để lại các thửa đất gồm: Thửa 92a diện tích 323m² loại đất LNK, thửa 92b diện tích 416m² loại đất T và thửa 92c diện tích 1.848m² loại đất LNK, tổng cộng là 2.587m², đất tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện L, tỉnh Đồng Tháp được UBND cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Võ Văn H2 vào ngày 16/01/1993. Sau khi cha chết không để lại di chúc thì mẹ là cụ Lê Thị H3 và em trai là Võ Văn D đã tự ý kê khai, đăng ký chuyển thừa kế cho em Võ Văn D và D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 25/8/2003 mà bà H và các đồng thừa kế khác không hay biết.

Sau khi ông D đứng tên đất thì ông D đã lần lượt chuyển nhượng cho bà Bùi Thị L1 toàn bộ thửa đất số 92b, chuyển nhượng cho ông Đoàn Thanh T2 toàn bộ thửa đất số 92a. Còn thửa đất số 92c thì ông D tách thành 02 thửa gồm thửa 326 diện tích là 478m² ông D chuyển nhượng cho bà Võ Thị H1, sau đó bà H1 chuyển nhượng cho ông Đoàn Thanh T2 và thửa 327 diện tích là 986m². Thửa 327 ông D tiếp tục tách thành 02 thửa mới là thửa 454 diện tích 323m² và thửa 453 diện tích 612m². Thửa 454 ông D đã chuyển nhượng cho ông Bùi Văn H4 còn thửa 453 ông D làm thủ tục tặng cho bà H1, bà H1 kê khai đăng ký biến động diện tích tăng lên là 658,9m², sau đó bà H1 tách thửa 453 thành 02 thửa gồm thửa 468 diện tích 132,7m², bà H1 đã chuyển nhượng cho ông Hồ Minh T3 và thửa 467 diện tích 526,2m². Thửa đất 467 bà H1 đăng ký biến động đổi sang bản đồ địa chính chính quy thành thửa 98 diện tích 526,1m² hiện nay bà H1 đã cất một căn nhà cấp 4 trên đất. Khi ông D làm thủ tục chuyển nhượng đất cho người khác thì bà H không biết nhưng sau này thấy những người này cất nhà ở bà H cũng như các chị em khác cũng không có ý kiến vì lúc này mẹ còn sống tranh chấp sợ mẹ buồn nên không có ý kiến gì. Như vậy, diện tích đất của cha mẹ để lại theo Giấy chứng nhận 03 thửa do cụ H2 đứng tên có diện tích có diện tích 2.587m² qua các lần biến động thì diện tích đất thực tế chỉ còn lại là 2.198,8m² (của 03 thửa đất 92a, 92b, 92c). Do cụ H2 chết ngày 26/10/2001 không để lại di chúc thì phát sinh di sản thừa kế quyền sử dụng đất của cụ H2 là 1.099,4m² và 1.099,4m² còn lại là của cụ H3 nhưng cụ H3 đã chuyển nhượng cho người khác khi còn sống nên phần

di sản của cụ H3 không còn nên phía bà H không yêu cầu chia.

Mặt khác, khi em là Võ Thị H1 lấy chồng, cha mẹ có cho bà H1 cất một căn nhà trên diện tích khoảng 500m² (H1 cưới chồng xong là cha mẹ cho đất cất nhà liền nhưng không nhớ năm). Khi đó H1 cất nhà cây tạm, mặt gió phía trước bằng xi măng, vị trí ngoài đường nhìn vào bên phải. Việc cha mẹ cho đất cất nhà không có giấy tờ gì và không có sang tên cho bà H1 đứng tên. Hiện nay bà H1 đã bán phần đất được cha mẹ cho cho ông Đoàn Thanh T2 (bán năm nào thì không nhớ). Sau khi bà H1 bán nhà và đất thì bà H1 nói với các chị em cho vợ chồng bà H1 được cất nhà trên diện tích đất hiện nay đang tranh chấp để phụng dưỡng mẹ nên chị em đồng ý. Khi bà H1 dời nhà qua diện tích đất tranh chấp, lúc này đã có một căn nhà cây tạp (cây bạch đàn) của mẹ là Lê Thị H3 cất trên đất để ở cùng với gia đình người em út là Võ Văn D và làm cái phủ thờ chung trong gia đình. Sau khi bà H1 bán diện tích đất được cha mẹ cho về cất nhà trên phần đất tranh chấp thì bà H1 đã dỡ căn nhà mà mẹ đang ở và để làm phủ thờ để cất lại căn nhà cấp 4 như hiện nay. Số tiền cất nhà là do bà H1 bán diện tích đất 500m² được cha mẹ cho (bán cho ông T2) để lấy tiền cất nhà ở. Đây là đất của ông bà để lại nên bà H1 đã bán đất để cất nhà thì coi như căn nhà là của chung để làm phủ thờ cho gia đình. Khi bà H1 cất nhà tại phần đất tranh chấp thì vợ chồng D chuyển về quê vợ của D ở S, tỉnh Đồng Tháp, còn mẹ thì sống chung với bà H1, do bà H1 nuôi dưỡng. Sau khi mẹ qua đời các đồng thừa kế thống nhất dùng căn nhà mà bà H1 cất để làm phủ thờ ông bà, cha mẹ. Việc để căn nhà của bà H1 và phần đất tại thửa 98 làm phủ thờ thì không có giấy tờ gì mà các chị em chỉ nói miệng với nhau và thống nhất giao cho D quản lý.

Nay bà H, bà N2 và bà L chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ H2 đối với diện tích 1.099,4m², hiện nay đất thực tế chỉ còn có 526,1m² (đo đạc thực tế là 476,7m²) thuộc thửa 98 bà H1 đứng tên và căn nhà trên đất, còn các diện tích đất còn lại đã chuyển nhượng cho người khác. Bà H, bà L và bà N2 yêu cầu bà Võ Thị H1 (những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H1) và ông Võ Văn D chia toàn bộ diện tích đất của cụ H2 làm 06 phần gồm: Nguyệt, L, T1, H1, D và bà H mỗi người một phần bằng nhau là 183,2m², bà H, bà N2 và bà L cùng nhận đất là 549,6m² tại phần đất hiện nay bà Võ Thị H1 đang đứng tên trong giấy tại thửa 98 và căn nhà trên đất để bà H làm nơi thờ cúng cha mẹ và tổ tiên. Phần diện tích đất bà H, bà N2 cùng được hưởng là 549,6m² nhưng hiện nay đo đạc thực tế tại thửa 98 diện tích chỉ còn lại 476,7m² là ít hơn kỷ phần của 03 người cùng được chia nhưng bà H, bà N2 và bà L đồng ý nhận không yêu cầu các đồng thừa kế khác trả giá trị phần bị thiếu. Về căn nhà trên đất, phía bà H, bà N2 và bà L chỉ yêu cầu chia đất không có nhu cầu sử dụng nhà nhưng nếu Tòa án giải quyết giao căn nhà cùng với đất thì phía bà H, bà N2 và bà L đồng ý trả giá trị theo giá mà Hội đồng định giá đã định. Đối với diện tích đất còn lại của cụ H2 là 622,7m² (1.099,4m² – 476,7m²) mà ông D, bà H1 và cụ H3 đã chuyển nhượng cho người

khác thì bà H, bà N2 và bà L thống nhất không có khiếu nại mà coi như phần đất mà ông D, bà H1 và cụ H3 đã bán là phần đã chia hiện vật cho các đồng thừa kế khác. Do đó, bà H không có yêu cầu gì đối với những người đã nhận chuyển nhượng từ ông D và bà H1.

- Anh Nguyễn Văn Đ là đại diện hợp pháp cho ông Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị Khánh N1 trình bày: Bà Võ Thị H1 là con của cụ Võ Văn H2 và cụ Lê Thị H3. Vào năm 1989, bà Võ Thị H1 kết hôn với ông Nguyễn Văn N. Đến năm 1990, cha mẹ của bà H1 có cho vợ chồng bà H1 diện tích đất khoảng 500m² thuộc một phần thửa đất số 92c, tờ bản đồ số 3a để cất nhà ở. Việc cha mẹ cho đất không có làm giấy tờ gì nhưng sau khi được cha mẹ cho đất thì vợ chồng bà H1 tiến hành cất nhà để ở và sử dụng toàn bộ diện tích đất được cha mẹ cho vào việc chăn nuôi, trồng trọt khác. Năm 2001, cha bà H1 là cụ Võ Văn H2 chết. Đến năm 2003, em bà H1 là ông Võ Văn D, vì là con trai duy nhất trong gia đình và có nhiệm vụ thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ nên được cụ H3, bà H1 và các chị thống nhất giao toàn bộ diện tích đất của cha mẹ cho ông D đứng tên nên ông D đã làm thủ tục thừa kế toàn bộ diện tích đất trên và được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận QSDĐ của cha để lại. Năm 2006, ông D làm thủ tục tách thửa 92c thành hai thửa gồm thửa 326 có diện tích là 478m² và thửa 327 có diện tích 986m², trong đó thửa 326 ông D đã làm thủ tục chuyển nhượng sang tên cho bà Võ Thị H1 đứng tên. Đây là phần đất được cha mẹ cho trước đó nhưng chưa sang tên cho bà H1 chứ không phải là do ông D tặng cho bà H1. Ngày 21/3/2006, UBND huyện L cấp giấy chứng nhận QSDĐ bìa số AD 964311, sổ vào sổ H00316 cho bà H1. Năm 2011, ông D và mẹ kêu bán diện tích đất tại thửa 453 để lấy tiền tiêu xài, sau khi hay tin ông D và mẹ bán đất thì ông Đoàn Thanh T2 là người sử dụng đất liền kề có ý định mua để đất liền canh. Tuy nhiên, do thửa đất số 453 không liền với thửa đất của ông T2 mà thửa đất số 326 của bà H1 mới liền canh với đất của ông T2. Sau khi biết được ý định của ông T2 thì ông D cùng với cụ H3 đã bàn bạc với vợ chồng bà H1 hoán đổi đất để ông D và cụ H3 bán cho ông T2 lấy tiền xoay xở kinh tế cho gia đình. Vì là mẹ con, chị em nên vợ chồng bà H1 đồng ý đổi đất, đồng nghĩa với việc vợ chồng bà H1 sẽ di dời căn nhà đang sử dụng từ thửa 326 sang thửa đất 327. Để đảm bảo cho việc chuyển đổi đất cho vợ chồng bà H1 nên ông D đã làm thủ tục tách thửa đất số 327 thành 02 thửa là thửa 453 và thửa 454. Sau ông D làm thủ tục sang tên thửa 453 cho bà H1 còn bà H1 làm thủ tục chuyển nhượng thửa 326 có diện tích là 478m² cho ông Đoàn Thanh T2, cùng lúc đó ông Võ Văn D cũng làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất số 454 có diện tích 323m² cho ông Đoàn Thanh T2 để phần đất của ông T2 nhận chuyển nhượng dài từ mí lộ đến hết thửa đất ở sau hậu. Thửa đất số 453, tờ bản đồ số 3a diện tích 612m², do phần đất trước đây, cha mẹ chỉ cho bà H1 có 500m² nên bà H1 đã làm thủ tục tách thửa 453 thành hai thửa gồm thửa 467 diện tích 526,2m² và thửa 468 diện tích 132,7m². Thửa đất số 467 diện tích là 526,2m² thì bà H1 nhận phần này, riêng thửa 468 diện tích 132,7m² thì bà H1 đã trả lại cho cụ H3 nhưng do gia đình có

nhu cầu bán đất nên cụ H3 yêu cầu bà H1 làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất 468 cho bà Nguyễn Thị H5, chồng là Huỳnh Minh T4. Phần tiền chuyển nhượng đất này cụ H3 sử dụng để dưỡng già. Quá trình sử dụng đất của gia đình bà H1 từ năm 1990 đến khi hoán đổi đất và cho đến nay thì việc sử dụng đất của vợ chồng bà H1 ổn định không ai tranh chấp hay ngăn cản gì.

Về nhà ở trên đất: Năm 1990, sau khi được cha mẹ cho đất, vợ chồng bà H1 tiến hành cất nhà gỗ, lợp lá để ở, đến năm 2011 cùng lúc với việc làm thủ tục hoán đổi đất thì vợ chồng bà H1 cũng tiến hành di dời căn nhà cũ trên thửa đất 326 để giao mặt bằng cho ông T2 và tiến hành xây dựng căn nhà mới trên thửa đất mà ông D đã hoán đổi. Căn nhà mà vợ chồng bà H1 xây dựng là loại nhà cấp 4 kiên cố, cột bê tông, nền gạch, mái lợp tol, diện tích xây dựng là 133 m², năm 2011 hoàn công xây dựng nhà và vợ chồng bà H1 sử dụng đến nay, toàn bộ chi phí xây dựng nhà là của vợ chồng bà H1. Qua nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì phía gia đình bà H1 không đồng ý. Vì toàn bộ di sản thừa kế của cụ H2 đã được các đồng thừa kế của cụ H2 thống nhất giao cho ông D đứng tên từ năm 2003 nên hiện nay không còn. Đối thửa đất 98, tờ bản đồ số 49 có nguồn gốc thuộc một phần thửa 92c, tờ bản đồ số 3a đã được cha mẹ cho bà H1 khi cha mẹ còn sống nên không phải là di sản thừa kế của cụ H2. Yêu cầu Tòa án xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H và bác yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn D do anh Nguyễn Văn Đ là đại diện trình bày:* Ông D là con của Võ Văn H2 và Lê Thị H3. Vào năm 1993, cha có đứng tên quyền sử dụng đất diện tích là 11.746m² gồm 05 thửa đất: Thửa 558 có diện tích là 3.618m² đất 2L, thửa 247 có diện tích 5.511m² đất 2L, thửa 92a có diện tích là 323m² đất LNK, 92b có diện tích 416m² đất T và thửa 92c có diện tích là 1.848m² đất LNK. Đến năm 1998 thì cha mẹ đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất tại thửa 558 và thửa 347 cho Trần Phước T5 đã làm thủ tục sang tên cho ông T5 đứng tên và cha cũng đã chuyển nhượng thửa 92b cho bà Bùi Thị L1 nhưng chưa làm thủ tục sang tên nên trong giấy cha vẫn còn đứng tên gồm 03 thửa đất là thửa 92a, 92b và 92c có diện tích là 2.587m². Đến năm 2001, thì cha chết, lúc này ông D đã về quê vợ ở S sinh sống nên toàn bộ diện tích đất này mẹ là Lê Thị H3 quản lý sử dụng thửa 92a và thửa 92c. Đến năm 2003, mẹ và các chị em thỏa thuận thống nhất giao 03 thửa đất này cho ông D đứng tên. Việc thỏa thuận giao cho ông D đứng tên toàn bộ đất của cha mẹ mặc dù không có làm giấy tờ nhưng các chị đã thống nhất nên ông D mới làm thủ tục được và các chị mới không có tranh chấp. Trước đó, vào khoảng năm 1990, cha mẹ có cho chị của ông D là Võ Thị H1 diện tích đất 500m² thuộc một phần thửa đất số 92c, việc cho đất không có giấy tờ gì nhưng chị H1 đã cất nhà trên diện tích đất được cha mẹ cho để ở nhưng chưa sang tên. Do đó, đến năm 2006 ông D làm thủ tục tách thửa đất 92c có diện tích đo đạc thực tế là 1.464m² thành 02 thửa là thửa 326 có diện tích

là 478m² CLN và thửa 327 diện tích 986m² CLN và làm thủ tục cho bà H1 đứng tên phần đất được cha mẹ cho là thửa 326 và bà H1 được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 21/3/2006. Mặc dù, ông D là người đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do mẹ còn sống nên quyền quyết định đối với các thửa đất của cha mẹ vẫn do mẹ quyết định. Vào khoảng năm 2010 – 2011, do kinh tế gia đình khó khăn nên cụ Lê Thị H3 muốn chuyển nhượng đất để lấy tiền tiêu xài và có thỏa thuận chuyển nhượng tiếp một phần đất cho ông Đoàn Văn T6 và bà Trần Thị Kiều N4 nhưng ông T6 và bà N4 không đồng ý mà yêu cầu đất phải liền ranh thì mới chịu mua. Để thuận tiện cho việc chuyển nhượng nên mẹ và ông D và bà H1 thống nhất bà H1 sẽ tháo dỡ căn nhà mà bà H1 cất trên diện tích đất tại thửa 326 để dời qua thửa 327 để thửa đất 326 liền ranh với phần đất mà ông T6 đang sử dụng. Sau khi thỏa thuận thống nhất thì vợ chồng bà H1 tiến hành bồi đắp lại và xây dựng căn nhà cấp 4 trên một phần thửa đất 327 còn thửa đất số 326 thì bà H1 giao lại cho mẹ để làm thủ tục chuyển nhượng cho ông T6. Ông D làm thủ tục tách thửa 327 thành 02 thửa gồm thửa 453 diện tích là 612m² và thửa 454 diện tích là 323m². Sau đó, ông D làm thủ tục sang tên để trả lại diện tích đất mà bà H1 đã đổi và bà H1 đứng tên thửa 453 có diện tích là 612m². Còn lại thửa 454 diện tích 323m² thì ông D và cụ H3 cũng đã chuyển nhượng luôn cho ông T6. Như vậy, toàn bộ diện tích đất của cha mẹ thì khi mẹ còn sống đã chuyển nhượng hết nên không còn. Việc ông D đứng ra làm thủ tục chuyển nhượng là do ông D đứng tên nên ông D ký giấy sang tên, còn tiền thì cụ H3 là người nhận và tiêu xài. Do đó, nay bà H, bà N2 và bà L yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ H2 là không phù hợp vì di sản của cụ H2 đã được các đồng thừa kế thỏa thuận thống nhất giao cho ông D quản lý sử dụng từ năm 2003, nên đã chia xong từ năm 2003, hiện nay không còn.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bà Võ Thị T1 trình bày: Bà T1 là con của cụ Võ Văn H2 sinh năm: 1932 chết ngày 26/10/2001 và mẹ là Lê Thị H3, sinh năm: 1933 chết ngày 11/5/2016. Cha mẹ sinh được 06 người con gồm: Võ Thị Ánh N2, Võ Thị L, Võ Thị H, Võ Thị T1, Võ Thị H1 và Võ Văn D. Khi cha mẹ còn sống đã giao lại toàn bộ phần diện tích đất của cha mẹ cho em út là Võ Văn D quản lý, sử dụng. Nay cha mẹ chết mặc dù không để lại di chúc nhưng bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo như yêu cầu của các chị em khác. Bà T1 không có yêu cầu chia thừa kế trong vụ kiện này. Nếu Tòa án có căn cứ chia thừa kế theo yêu cầu của bà Võ Thị H thì bà T1 cũng không yêu cầu chia cho bà T1 được hưởng.

- Tại Văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu vắng mặt đề ngày 31/8/2022, chị Nguyễn Thị Kim T trình bày: Chị T là con ruột của bà H1. Việc tranh chấp thừa kế giữa bà Võ Thị H và mẹ của chị T (đã chết) thì chị T không có yêu cầu gì trong vụ kiện này và đồng ý giao cho cha là Nguyễn Văn N và chị Nguyễn Thị Khánh N1 toàn quyền quyết định. Chị T xin được vắng mặt toàn bộ các phiên hòa

giải, xét xử của Tòa án nhân dân các cấp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò đã xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị L và Võ Thị Ánh N2 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Võ Văn H2.

2. Về án phí: Bà Võ Thị H, bà Võ Thị L và Võ Thị Ánh N2 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Võ Thị H phải chịu số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá là 2.966.150đ (Hai triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm năm mươi đồng). Số tiền này bà H đã nộp và chi xong.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/01/2024 bà Võ Thị H là nguyên đơn, bà Võ Thị Ánh N2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết xem xét sửa Bản án sơ thẩm theo hướng tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H và bà N2.

Ngày 22/01/2024, bà Võ Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H và người liên quan bà L và bà N2.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà H, bà N2, bà L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Anh Đ là người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà H1 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà H, bà N2, bà L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Từ khi thụ lý giải quyết vụ việc đến khi nghị án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật 7" \o "Tổ" Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự xét xử phúc thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án

Xét kháng cáo của đương sự yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những việc sau đây: Bà Võ Thị H yêu cầu xem xét sửa Bản án sơ thẩm theo hướng tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H. Bà Võ Thị Ánh N2 và bà Võ Thị L yêu cầu giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H và người liên quan bà L và bà N2.

Về nguồn gốc đất: Vào ngày 16/01/1993, UBND huyện T (nay là huyện L) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Võ Văn H2 với tổng diện tích là 11.746m², trong đó thửa 558 diện tích 3.648m², thửa 347 diện tích 5.511m² cùng mục đích sử dụng là đất lúa cùng tờ bản đồ số 3, thửa 92a diện tích 323m² mục đích sử dụng là đất LNK, thửa 92b diện tích 416m² mục đích sử dụng là đất T và thửa 92c diện tích 1.848m² mục đích sử dụng là đất LNK cùng tờ bản đồ số 3a. Năm 1998, cụ Võ Văn H2 đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất toàn bộ thửa đất số 558 và thửa 347 cho ông Trần Phước T5, còn lại 03 thửa đất số 92a, 92b, 92c có diện tích là 2.587m² (các đương sự thống nhất diện tích đất thực tế là 2.198,8m²). Năm 1990 bà H1 có gia đình, ông H2 và bà Hai t cho bà H1 diện tích đất 500m² tại thửa 92c, vợ chồng bà H1 cất nhà trên đất nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận QSD đất.

Đến ngày 26/10/2001, cụ Võ Văn H2 chết, nên phát sinh thời điểm mở thừa kế tài sản của cụ H2, cụ H2 chết không để lại di chúc. Hàng thừa kế cụ H2 theo pháp luật gồm: Cụ Lê Thị H3 (vợ) và 06 người con gồm: Võ Thị Anh N5, Võ Thị L, Võ Thị H, Võ Thị T1, Võ Thị H1 và Võ Văn D.

Sau khi cụ H2 chết thì cụ H3, ông D và những người trong hộ đã làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất toàn bộ diện tích đất của cụ H2 đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn D đứng tên. Ông D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 25/08/2003. Theo hồ sơ thủ tục sang tên cho ông D đứng tên chỉ có cụ H3, ông D và những người trong hộ ký tên còn những người thừa kế khác của cụ H2 không ký tên. Theo UBND huyện L thì việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chuyển nhượng từ cụ H2 sang ông D là đúng quy định của pháp luật tại thời điểm cấp đất.

Phía ông D, bà T1 và bà H1 đều trình bày vào năm 2003 các chị em đã thống nhất chia di sản của cụ H2 cho ông D đứng tên. Còn phía bà Võ Thị H cho rằng khi ông D và cụ H3 làm thủ tục thừa kế chuyển tên từ cụ H2 sang cho ông D đứng tên bà H, bà N5 và bà L không biết. Tuy nhiên, căn cứ vào biên bản làm việc có liên quan đến tranh chấp quyền sử dụng đất ngày 21/12/2021 của UBND xã H, huyện L thể hiện bà H, bà N5 có trình bày: *“Đối với việc ba tôi là ông Võ Văn H2 chết đất để lại thừa kế cho ông D trước khi tặng cho bà H1 thì chúng tôi có chứng kiến và thống nhất để cho ông D phụng thờ”*. Như vậy, việc bà H và bà N5 trình bày tại UBND xã H phù hợp với lời trình bày của bà H1, bà T1, ông D

và cụ H3 (ông D và cụ H3 ký tên thủ tục thừa kế) nên việc bà H cho rằng khi ông D làm thủ tục thừa kế các bà không hay biết là không đúng thực tế.

Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án phía bà H cũng thừa nhận khi biết được phần đất của cha ông D đã đứng tên, cũng như việc mẹ và ông D làm thủ tục chuyển nhượng các thửa đất của cha để lại cho người khác thì bà H, bà L và bà N5 cũng không có phản đối.

Quá trình sử dụng đất từ năm 2003 đến năm 2011, ông D đã nhiều lần làm thủ tục đăng ký biến động, nhập thửa, tách thửa và chuyển nhượng đất cho rất nhiều người và những người nhận chuyển nhượng đã được cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất và cất nhà kiên cố trên đất, cụ thể: Chuyển nhượng cho bà Bùi Thị L1 thửa 92b diện tích 416m², chuyển nhượng cho ông Đoàn Thanh T2 thửa 92a diện tích 323m². Đối với thửa 92c diện tích 1848m², năm 2006 ông D tách thành 02 thửa gồm thửa 326 diện tích 478m² và thửa 327 diện tích 986m², ông D làm thủ tục tặng cho bà H1 thửa 326. Đến năm 2011 bà H1 làm thủ tục chuyển nhượng đất thửa 326 cho ông T2, ông D làm thủ tục tách thửa 327 thành 02 thửa gồm thửa 453 diện tích 612m² và thửa 454 diện tích 323m², sau đó ông D làm hợp đồng tặng cho bà H1 thửa 453, chuyển nhượng cho ông T2 thửa 454. Đối với thửa 453 bà H1 tách thành 02 thửa gồm thửa 467 diện tích 526,2m² và thửa 468 diện tích 132,7m², bà H1 làm thủ tục chuyển nhượng cho bà H5, ông T4 diện tích đất thửa 468, còn thửa 467 bà H1 xin cấp đổi thành thửa 98 như hiện nay.

Di sản do ông H2 để lại cụ H3, ông D và bà H1 đã chuyển nhượng cho những người khác thì bà H, bà N5 và bà L không yêu cầu chia thừa kế đối với các thửa đất đã chuyển nhượng, chỉ yêu cầu đổi với thửa 98 diện tích 526,1m² và căn nhà trên đất do bà H1 đứng tên QSD đất.

Đối với thửa đất số thửa 98 diện tích 526,1m² (đo đạc thực tế là 476,7m²) hiện nay bà H1 đang đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên thửa đất này gia đình bà H1 đã cất một căn nhà cấp 4 trên đất. Các đương sự cũng thừa nhận khi còn sống cha mẹ đã cho bà H1 phần diện tích đất khoảng 500m² để cất nhà ở. Phía bà H, bà N5 và bà L cho rằng phần đất mà cha mẹ cho bà H1 thì bà H1 đã bán cho ông Đoàn Thành T7 lấy tiền để xây dựng nhà trên phần đất hiện tại là di sản do ông H2 để lại, còn phía ông D và bà H1 cho rằng phần đất mà bà H1 được cha mẹ cho cất nhà đã đổi đất từ thửa 326 sang thửa 327 do thửa 326 giáp đất với đất ông T7 thì ông T7 mới đồng ý mua nên bà H1 dỡ nhà đổi đất để cho mẹ thực hiện chuyển nhượng cho ông T7, sau đó ông D làm thủ tục tách thửa 327 thành 02 thửa và sang tên cho bà H1 thửa 453 do thửa 453 diện tích hơn 500m² nên bà H1 tách thửa 453 thành 02 thửa, thửa 467 (nay là thửa 98) diện tích 526,2m² bà H1 đang ở, còn diện tích 132,7m² bà H1 chuyển nhượng cho bà H5 là do bà H3 bán để lấy tiền tiêu sài. Lời trình bày của ông D và bà H1 phù hợp với lời khai của ông Đoàn Thanh T2 là người nhận chuyển nhượng đất và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có cơ sở xác định thửa đất số 98 là phần

đất của bà H1 được cha mẹ cho trước khi chết nên không phải là di sản thừa kế của cụ H2 và cụ H3. Việc ông D làm thủ tục tặng cho bà H1 chỉ là thực hiện theo di nguyện của cụ H2 và ý kiến của cụ H3 là giao diện tích đất được cha mẹ cho bà H1 trước đây để cho bà H1 đứng tên phần đất đã được cha mẹ cho trước đây. Do đó, di sản thừa kế của cụ H2 đã chia xong hiện nay không còn. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Xét kháng cáo của bà Võ Thị H, bà Võ Thị L và bà Võ Thị Ánh N2 là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 01/2024/DS-ST ngày 10/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Võ Thị H là nguyên đơn, bà Võ Thị Ánh N2, bà Võ Thị L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo trong hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng với Điều 273, 293 Bộ luật Tố dân sự năm 2015.

[2]. Bà Võ Thị H là nguyên đơn, bà Võ Thị Ánh N2, bà Võ Thị L kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà L, bà N2.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ H2, cụ H2 được UBND huyện T (nay là huyện L) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/01/1993, với tổng diện tích là 11.746m², trong đó thửa 558 diện tích 3.648m², thửa 347 diện tích 5.511m² cùng mục đích sử dụng là đất 2L cùng tờ bản đồ số 3, thửa 92a diện tích 323m² mục đích sử dụng là đất LNK, thửa 92b diện tích 416m² mục đích sử dụng là đất T và thửa 92c diện tích 1.848m² mục đích sử dụng là đất LNK cùng tờ bản đồ số 3a.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 571579, số vào sổ 15687. Năm 1998, cụ H2 đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất toàn bộ thửa đất số 558 và thửa 347 cho ông Trần Phước T5 diện tích 9.159m². Sau khi cụ H2 chết chỉ còn lại 03 thửa đất 92a, 92b, 92c có diện tích là 2.587m² (các đương sự thống nhất diện tích đất thực tế là 2.198,8m²). Cụ H2 một nửa là 2.198,8m²/2 = 1.099,4m², cụ H3 một nửa là 2.198,8m²/2 = 1.099,4m². Do cụ H2 chết không để lại di chúc, cụ H2 có 6 người con N2, L, T1, H1, D và bà H nên bà H yêu cầu Tòa

án giải quyết chia thừa kế phần di sản của cụ H2 theo pháp luật làm 06 phần gồm: mỗi người một phần bằng nhau, $1.099,4\text{m}^2/6$ tương đương mỗi kỷ phần là $183,23\text{m}^2$, bà H yêu cầu nhận hiện vật cùng với bà N2 và bà L cùng đứng chung phần đất hiện nay bà Võ Thị H1 đang đứng tên trong giấy tại thửa 98 và căn nhà trên đất. Tuy nhiên sau khi cụ H2 chết thì cụ H3, ông D và những người trong hộ đã làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất toàn bộ diện tích đất của cụ H2 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn D. Ông D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 25/08/2003. Theo hồ sơ thủ tục sang tên cho ông D đứng tên chỉ có cụ H3, ông D và những người trong hộ ký tên còn những người thừa kế khác của cụ H2 không ký tên. Tuy nhiên phía bà H cũng thừa nhận khi biết được phần đất của cha ông D đã đứng tên, cũng như việc mẹ và ông D làm thủ tục chuyển nhượng các thửa đất của cụ H2 để lại cho người khác thì bà H, bà L và bà N2 cũng không có phản đối. Quá trình sử dụng đất từ năm 2003 đến năm 2011, ông D đã nhiều lần làm thủ tục đăng ký biến động, nhập thửa, tách thửa và chuyển nhượng đất cho rất nhiều người và những người nhận chuyển nhượng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cất nhà kiên cố trên đất nhưng bà H, L, N2 không ai tranh chấp. Do đó các thửa đất là di sản của cụ H2 mà bà H, bà N2 và bà L yêu cầu chia thừa kế nêu trên đã được các đồng thừa kế thống nhất giao cho ông D được quyền quản lý sử dụng sau khi cụ H2 chết, đã chia xong hiện nay không còn.

Đối với thửa đất số thửa 98 diện tích $526,1\text{m}^2$ (đo đạc thực tế là $476,7\text{m}^2$) hiện nay bà H1 đang đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên thửa đất này gia đình bà H1 đã cất một căn nhà cấp 4 trên đất. Các đương sự cũng thừa nhận khi còn sống cha mẹ đã cho bà H1 phần diện tích đất khoảng 500m^2 để cất nhà ở. Phía bà H, bà N2 và bà L cho rằng phần đất mà cha mẹ cho bà H1 thì bà H1 đã bán cho ông Đoàn Thành T7, còn phía ông D và bà H1 cho rằng phần đất mà bà H1 được cha mẹ cho cất nhà đã đổi đất cho mẹ để thực hiện việc chuyển đổi đất cho liền ranh với ông T7 thì ông T7 mới đồng ý mua. Lời trình bày của ông D và bà H1 phù hợp với lời khai của ông Đoàn Thanh T2 là người nhận chuyển nhượng đất. Như vậy, có cơ sở xác định thửa đất số 98 là phần đất của bà H1 được cha mẹ cho trước khi chết nên không phải là di sản thừa kế của cụ H2 và cụ H3. Việc ông D làm thủ tục tặng cho bà H1 chỉ là thực hiện theo di nguyện của cụ H2 và ý kiến của cụ H3 là giao diện tích đất được cha mẹ cho bà H1 trước đây để cho bà H1 đứng tên phần đất đã được cha mẹ cho trước đây. Do đó yêu cầu kháng cáo của bà H, bà N2, bà L là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[3]. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp đã xử có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên giữ nguyên.

[4]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị H, bà Võ Thị L và bà Võ Thị Ánh N2; giữ nguyên Bản Án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà H, bà L, bà N2 không được chấp nhận nên bà H, bà L, bà N2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, bà H, bà L, bà N2 là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Thị H, bà Võ Thị L, bà Võ Thị Ánh N2.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

1.1 Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị L và Võ Thị Ánh N2 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Võ Văn H2.

1.2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị H, bà Võ Thị L và Võ Thị Ánh N2 được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

1.3. Về chi phí tố tụng: Bà Võ Thị H phải chịu số tiền xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá là 2.966.150đ (Hai triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn một trăm năm mươi đồng). Số tiền này bà H đã nộp và chi xong.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị H, Võ Thị Ánh N2, Võ Thị L được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi

hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

4. Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 10 tháng 01 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Lấp Vò;
- Chi Cục THADS huyện Lấp Vò;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Trang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên đóng dấu

Lê Hồng Nước